

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 537/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh N T Đ**, sinh ngày 01/6/1993;

Căn cước công dân số: 001\*\*\*\*\*3172;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số Y ngách Đ, xã B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Chị N T T H**, sinh ngày 14/01/1994;

Căn cước công dân số: 001\*\*\*\*\*5265;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số Y ngách Đ, xã B, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N T Đ và chị N T T H.**

2. Công nhận sự thoả thuận của anh N T Đ và chị N T T H, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh N T Đ và chị N T T H có 02 con chung là cháu N T P, sinh ngày 06/01/2018 và cháu N B A, sinh ngày 03/6/2020. Chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung, anh Đ tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị H là 10.000.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/01 con/tháng) kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu P, cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của luật.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.*

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đ và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0017703 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội – Phòng Thi hành án KV5;
- UBND xã B, thành phố Hà Nội (GCNKH số 61/2016 của UBND xã Đ, huyện Gia Lâm cũ).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Thái Thị Hà Thu**